

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL SAMSOL E1
----------------	---------------

1. SẴN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SAMSOL E1
Đặc tính chung	Hỗn hợp
Ứng dụng	Dầu gia công kim loại pha nước
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	
SHL ASEAN CO., LTD.	
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	
TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288	
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Phòng ban	Viện kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Độc tính cấp tính (qua da): Loại 4

Độc tính cấp tính (bụi/sương): Loại 5

Kích ứng da. Loại 1.

Kích ứng mắt. Loại 1.

Nhạy cảm với da. Loại 1.

Nhạy cảm với hô hấp. Loại 1.

NHÃN

Hình GHS



Từ kí hiệu

Nguy hiểm

Báo cáo nguy hiểm

Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương tới mắt.
Gây tổn hại mắt nghiêm trọng.
Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Có thể gây dị ứng hoặc triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.
Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc em bé chưa sinh.
Có thể gây hại cho các cơ quan.
Độc hại tới môi trường thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

P260: Không hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun của dầu.
P261: Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun của dầu.
P264: Rửa sạch tay và cơ thể sau khi xử lý.
P271: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc khu vực thông gió tốt
P272: Quần áo bị nhiễm bẩn không được phép mang ra ngoài nơi làm việc.
P280: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.
P284: Mang thiết bị bảo hộ đường hô hấp.

Biện pháp đối phó

P310: Lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc.
P312: Gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc nếu cảm thấy không ổn.
P321: Điều trị đặc biệt (xem.. Trên nhãn này).
P363: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P302+P352: NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.
P304+P340: NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và nghỉ ở tư thế thoải mái để thở.
P333+P313: Nếu kích ứng da xảy ra: Nhận lời khuyên y tế/ theo dõi.
P301+P330+P331: Nếu nuốt phải; súc miệng. Không gây ói mửa
P303+P361+P353: NẾU DÍNH VÀO DA (HAY TÓC): Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn. Tắm rửa sạch.
P342+P311: Nếu có triệu chứng về hô hấp. Gọi cho trung tâm giải độc/ hoặc bác sĩ thầy thuốc.

NẾU ĐÍNH VÀO MẮT: Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa.

Bảo quản

P405: Bảo quản đóng kín.

Xử lý

P501: Xử lý trong hệ thống xử lý hợp pháp hoặc qua công ty xử lý chất thải.

P501; Tham khảo nhà sản xuất / nhà cung cấp để biết thông tin về thu hồi / tái chế.

NGUY HIỂM KHÁC

Chỉ số NFPA

Nước: Sức khỏe cộng đồng :0, Cháy : 0, Phản ứng : 0

Alkanol amine : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 2, Phản ứng : 0

Triethanolamine : Sức khỏe cộng đồng :2, Cháy : 1, Phản ứng : 1

Fatty acid : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Chứng cất dầu cao : Không có dữ liệu

Sản phẩm chưng cất hydro nhẹ : Sức khỏe cộng đồng :1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Bảo mật : Sức khỏe cộng đồng :0, Cháy : 1, Phản ứng : 0

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Sản phẩm chưng cất paraffinic nhẹ đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-55-8	40 - 50
Dầu hòa	Dầu hòa	8002-26-4	5 - 15
Bảo mật	Bảo mật	Secret	1 - 5
Triethanolamine	Trolamine	102-71-6	1 - 10
Nước	Dihydrogen oxide	7732-18-5	10 - 20
Alkanol amine	Alkanol amine	Bảo mật	5 - 15
Fatty acid	Fatty acid	Bảo mật	1 - 5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Rửa bằng dung dịch rửa mắt hoặc nước, giữ phần mí mắt và rửa ít nhất trong 15 phút.

Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu mắt bị đỏ và sung huyết liên tục, nhận điều trị y tế.

Dính vào da

Rửa với xà phòng và nước khoảng 15 phút.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Ra ngoài không khí trong lành. Nếu không phục hồi, nhận trợ giúp y tế.

Nuốt phải

Trong trường hợp bị kích ứng, đi khám bác sĩ.

Không cho người bất tỉnh ăn bất kì thứ gì.

Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Lời khuyên từ bác sĩ

NẾU ĐÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon đioxit, nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không có dữ liệu

Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon, Nox, Sox.

Công cụ chữa cháy

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng nước để làm nguội các bồn, thùng chứa và các bộ phận tiếp xúc với lửa.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Đeo mặt nạ khí hoặc mặt nạ chống khí độc trong phòng kín hoặc nếu cần thiết.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra.

Không đi tới hay đứng tới chất bị tràn ra.

Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Tránh xa các nguồn bắt cháy.

Nếu không nguy hiểm. Ngăn chặn sự rò rỉ.

Chú ý các chất và điều kiện cần tránh.

Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn.

Đeo mặt nạ không khí hay thông khí phòng kín.

Tắt các nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để loại bỏ chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.

Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khí vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa.

Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.

Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Đầu gia công kim loại : TWA : 0.8 mg/m³.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Lắp đặt hệ thống thông khí thải cục bộ.

Kiểm tra nếu tiếp xúc phù hợp với các tiêu chuẩn tiếp xúc.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.

Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mặc đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Chất lỏng màu vàng
Mùi	Mùi đặc trưng
pH (10% aq. Solution, 20°C)	10.2
Điểm nóng chảy	< -5 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	Không có dữ liệu
Sự oxy hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Tan trong nước
Mật độ hơi	Không có dữ liệu
Tỷ trọng	0.94 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	Không có dữ liệu
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy

Không xảy ra.

Điều kiện và chất cần tránh

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cấm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MÔI NGUY HẠI

Hít phải

Hít hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và ho, khó thở, buồn ngủ, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn, tất nghẽn phổi, viêm phế quản.

Đánh vào mắt

Có thể gây kích ứng mạnh, gây thương tổn.

Đánh vào da

Có thể gây kích ứng hoặc phản ứng dị ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra các vấn đề về da.

Nuốt phải

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau dạ dày, gan và thận.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng

Sản phẩm paraffinic nhẹ đã xử lý hydro	LD50 > 5000 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Dầu hỏa	LD50 7600 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Triethanolamine	LD50 4200 ~ 11300 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Acid béo	LD50 > 13475 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Nước	LD50 90000 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Alkanol amine	LD50 3320 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Alkyl amine	LD50 373 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Acid boric	LD50 2660 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Ester acid béo	LD50 > 5000 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Polydimethylsiloxane	LD50 > 17000 mg/kg Thử nghiệm với chuột
Thành phần khác	Không có dữ liệu

Độc tính cấp tính qua da

Sản phẩm paraffinic nhẹ đã xử lý hydro	LD50 > 2000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ
Triethanolamine	LD50 2000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ
Alkanol amine	LD50 1000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ
Acid boric	LD50 > 2000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ
Polydimethylsiloxane	LD50 > 2000 mg/kg Thử nghiệm với thỏ
Thành phần khác	Không có dữ liệu

Độc tính cấp tính khi hít phải

Sản phẩm paraffinic nhẹ đã xử lý hydro	LC50 2.18 mg/l 4 hr Thử nghiệm với chuột (sương dầu)
Acid béo	LD50 > 4500 mg/m ³ Thử nghiệm với chuột (bụi)
Thành phần khác	Không có dữ liệu
Kích ứng da	Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại da).
Kích ứng mắt	Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại mắt).
Mẫn cảm với hô hấp	Có thể gây nhạy cảm về hô hấp
Mẫn cảm với da	Chú ý với người bị dị ứng viêm da.
Độc tính cấp tính	Không có dữ liệu
Độc tính liều lặp lại	Không có dữ liệu
Biến đổi gen	Không áp dụng
Ảnh hưởng tới thể hệ sau	Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và thai nhi.
Tính gây ung thư	Không có dữ liệu

Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc): Có thể gây kích ứng hô hấp.

Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc r): Có thể tổn hại đến gan và thận. Có thể gây tắc nghẽn phổi, viêm phế quản, viêm phổi.

Lời khuyên bổ sung Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Người ta hy vọng rằng chất này không gây độc trong môi trường thủy sinh.

Độc tính thủy sinh mãn tính

Không có dữ liệu

LAN TRÊN ĐẤT Không có dữ liệu

ĐỘ BỀN/ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY Không có dữ liệu

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC: Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Lượng dầu trên 5% được phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

Quản lý theo các cơ sở xử lý chất thải thích hợp.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ Tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Số UN : Không áp dụng

Tên cơ sở vận chuyển : Không áp dụng

Loại vận chuyển nguy hiểm: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Số EMS: Không áp dụng

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật quản lý chất độc hại Không áp dụng

Luật quản lý an toàn khí áp cao Không áp dụng

Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm

Loại dầu thứ 3 thuộc nhóm chất nguy hiểm thứ 4 ở Hàn Quốc (Dầu pha nước).

Quy định theo luật nước ngoài

OSHA : Không áp dụng

CERCLA 103 : Không áp dụng

EPCRA 302 : Không áp dụng

EPCRA 304 : Không áp dụng

EPCRA 313 : Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày 14/02/2017

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày Rev. 5 1/11/2019

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra.

Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng.

Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này.

Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và sự phòng ngừa nên được nắm rõ.